TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số**:** 03/2018/HNGĐ - ST
Ngày 28 - 3 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Hồng Biên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Lợi.

Ông Đỗ Văn Tân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2017/TLST-HNGĐ, ngày 04/8/2017 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 01/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Triệu Đình C, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xã P, huyện H, thành phố Hải Phòng;

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 4/25 đường T, quận A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1952

Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư B Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Biên T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xã P, huyện H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh quận A, Hải Phòng.

Địa chỉ: Lô 14, đường P, quận A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Ngân hàng V

Địa chỉ: Số 9 B, Phường C, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Bà Triệu Thị M, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số nhà 5/20/299 đường T, quận A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Ông Đỗ Nhật T, sinh năm 1951

Số 18/193 C, quận A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963

Địa chỉ: Xã P, huyện H, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Xã P, huyện H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C.

- Ông Phạm Văn N, sinh năm 1960

Địa chỉ: Xã L, huyện H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Xã P, huyện H, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2017 và bản tự khai, đối chất và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Triệu Đình C trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Biên T kết hôn tháng 01/2012 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận A, thành phố Hải Phòng, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không tin tưởng nhau về sự chung thủy giữa hai vợ chồng, không minh bạch trong kinh tế, không hợp nhau trong quan điểm, lối sống vì vậy hay cãi, chửi nhau làm ảnh hưởng đến gia đình và hàng xóm. Năm 2012 anh và chị T sinh một con chung tưởng rằng chị T sẽ thay đổi tính nết nhưng mâu thuẫn càng căng thẳng, đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện tốt hơn. Đến tháng 01/2017 anh C và chị T sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay tình cảm giữa hai bên đã không còn nên anh Triệu Đình C đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Biên T.

Về con chung: Anh Triệu Đình C và chị Nguyễn Biên T có một con chung là Triệu Mai T sinh ngày 08/02/2012, nếu Toà án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý để chị Nguyễn Biên T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung:

Anh C và chị T có 01 mảnh đất diện tích 142 m2 địa chỉ tại xã P, huyện H, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/02/2015 tại thửa đất số 781, tờ bản đồ số 01. Trên diện tích đất đã xây dựng 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 50 m2 và công trình phụ đã hoàn thiện, 01 nhà cấp 4, 01 bể nước 03 ngăn đang xây dở, tổng giá trị tài sản là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

01 xưởng sản xuất biến áp gồm: 01 máy cuộn tôn, 02 máy quấn biến áp, 02 máy cắt tôn (01 máy tự chế, 01 máy cắt của Nhật sản xuất), 01 máy gập tôn, 01 lò nung tôn và một số nguyên liệu để sản xuất biến áp trị giá 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

01 xe máy Dream trị giá 10.000.000 (mười triệu) đồng; 01 xe máy Airblade trị giá 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng đăng ký mang tên Triệu Đình C.

01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 máy Laptop Lenovo, 02 máy tính bàn, 01 bếp từ, 01 ti vi, trị giá 44.000.000 (bốn mươi bốn triệu) đồng.

Tổng giá trị tài sản là 884.000.000 (tám trăm tám mươi tư triệu) đồng.

Về các khoản vay phải trả gồm:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh quận A, Hải Phòng là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng gốc và 18.000.000 (mười tám triệu) đồng tiền lãi. Tổng số là 368.000.000 (ba trăm sáu mươi tám ngàn) đồng.

Ông Đỗ Nhật T là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng tiền gốc và 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng tiền lãi vay để làm nhà. Tổng số 222.000.000 (hai trăm hai mươi hai triệu) đồng.

Bà Triệu Thị M là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng tiền gốc và 4.000.000 (bốn triệu) đồng tiền lãi vay để làm nhà. Tổng số 64.000.000 (sáu mươi tư triệu) đồng.

Ngân hàng V là 63.000.000 (sáu mươi ba triệu) đồng tiền gốc và 25.000.000 (hai mươi năm triệu) đồng tiền lãi. Tổng số là 88.000.000 (Tám mươi tám triệu) đồng.

Tổng số vay nợ là 742.000.000 (bảy trăm bốn mươi hai triệu) đồng.

Trong bản tự khai và đơn trình bày của bị đơn chị Nguyễn Biên T: Năm 2012 chị và C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận A, thành phố Hải Phòng, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống hạnh phúc giữa chị và anh C chỉ được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân ban đầu do gia đình nhà chồng anh C đối xử quá khắt khe với chị buộc chị và anh C phải sống riêng. Khi ra sống riêng cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh C cũng không được cải thiện mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Anh C thường hay chửi bới, xúc phạm, đánh đuổi chị, mặt khác anh C không chung thủy trong hôn nhân vì vậy chị đã sống ly thân với anh C từ đầu năm 2017

cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng chị T đồng ý ly hôn với anh Triệu Đình C.

Về con chung: Chị và anh Triệu Đình C có một con chung là Triệu Mai T sinh ngày 08/02/2012 nếu Toà án giải quyết cho ly hôn chị đề nghị được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Biên T cũng đồng ý với lời khai của anh Triệu Đình C về những tài sản như đã nêu trên tổng giá trị tài sản chị và anh C hiện có là 884.000.000 (tám trăm tám mươi tư triệu) đồng và tổng số nợ là 742.00.000 (bảy trăm bốn mươi hai triệu) đồng gồm những người có tên như anh C đã khai. Tuy nhiên chị và anh C còn nợ tiền mua đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị T là 242.000.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu) đồng, tiền vật liệu xây dựng của ông Phạm Văn N là 165.500.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm ngàn) đồng, tiền nhân công xây nhà của ông Nguyễn Văn T là 41.000.000 (bốn mươi mốt triệu) đồng, tiền xây nhà cấp 4 của ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị T là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như qua các tài liệu, các bản tự khai của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận việc vợ chồng anh C, chị T có nợ của họ số tiền như trên là đúng. Tuy nhiên anh Triệu Đình C không thừa nhận khoản tiền vay mua đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị T vì số tiền mua đất anh và chị T đã thanh toán cho vợ chồng ông C.

Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng V đã được triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt tuy nhiên cả nguyên đơn và bị đơn đã thừa nhận có vay khoản nợ như đã trình bày và có chứng cứ anh C và chị T có vay số tiền nói trên là đúng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Hai bên đều cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, đã mâu thuẫn trầm trọng vì vậy đều đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai bên thỏa thuận giao con chung Triệu Mai T, sinh ngày 08/02/2012 cho chị Nguyễn Biên T nuôi dưỡng, chăm sóc không yêu cầu anh Triệu Đình C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung hai bên thỏa thuận:

Giao cho chị Nguyễn Biên T sở hữu mảnh đất diện tích 142 m2 mang tên Triệu Đình C và Nguyễn Biên T tại xã P, huyện H, thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/02/2015 tại thửa đất số 781, tờ bản đồ số 01. Trên diện tích đất đã xây dựng 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 50 m2 và công trình phụ đã hoàn thiện, 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 70 m2 đang xây dở cùng 01 bể nước 03 ngăn. Tổng giá trị tài sản là 600.000.000 (sáu trăm triệu đồng) đồng.

Giao cho anh Triệu Đình C sở hữu máy móc trong xưởng sản xuất biến áp: 01 máy cuộn tôn, 02 máy quấn biến áp, 02 máy cắt tôn, 01 máy gập tôn, nguyên vật liệu để sản xuất biến áp, 01 lò nung tôn, tổng giá trị 200.000.000 đồng. Đồ dùng gia dụng trong gia đình: 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 máy Laptop Lenovo, 02 máy tính bàn, 01 bếp từ, 01 ti vi trị giá 44.000.000 đồng. 02 chiếc xe máy gồm 01 chiếc Dream, 01 chiếc Airblade đều mang tên đăng ký Triệu Đình C trị giá 40.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 284.000.000 (hai trăm tám mươi tư ngàn) đồng.

Về các khoản nợ hai bên chấp nhận: Nợ ông Đỗ Nhật T 200.000.000 đồng tiền gốc và 22.000.000 đồng tiền lãi; nợ bà Triệu Thị M 60.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi; nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh quận A 350.000.000 đồng tiền gốc và 18.000.000 đồng tiền lãi; nợ Ngân hàng V 63.000.000 đồng tiền gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi; nợ ông Phạm Văn N 165.500.000 đồng, nợ ông Nguyễn Văn T 41.000.000 đồng, nợ vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng T 200.000.000 đồng.

Tổng số tiền là 1.148.500.000 (một tỷ một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn) đồng.

Các bên đương sự thỏa thuận phương thức thanh toán và trả nợ như sau:

Anh Triệu Đình C nhận trả các khoản nợ như sau:

Ông Đỗ Nhật T 200.000.000 đồng tiền gốc và 22.000.000 đồng tiền lãi.

Bà Triệu Thị M 60.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 tiền lãi.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh quận A 350.000.000 đồng tiền gốc và 18.000.000 đồng tiền lãi.

Ngân hàng V 63.000.000 đồng tiền gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi.

Tổng số 742.000.000 (bảy trăm bốn mươi hai triệu) đồng.

Chị Nguyễn Biên Thùy nhận trả các khoản nợ như sau:

Ông Phạm Văn N 165.500.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T 41.000.000 đồng.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng Thị T 200.000.000 đồng.

Tổng số: 406.500.000 (bốn trăm linh sáu triệu năm trăm ngàn) đồng.

Tuy nhiên chị Nguyễn Biên T rút toàn bộ yêu cầu trả cho ông Phạm Văn N, anh Nguyễn Văn T, vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị T.

Về án phí các bên thỏa thuận như sau: Anh Triệu Đình C ngoài việc chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, đồng thời cùng với chị Nguyễn Biên T mỗi người chịu ½ tiền án phí về tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung.

Chị Nguyễn Biên T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Triệu Đình C số tiền 529.000.000 đồng tiền chênh lệch về tài sản, nợ chung. Thời hạn, phương thức thanh toán một lần, hạn cuối cùng vào ngày 04 tháng 5 năm 2018.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng dân sự: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuân thủ nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng Thịnh V và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án.

Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Triệu Đình C và chị Nguyễn Biên T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, căn cứ sự thỏa thuận chấp nhận yêu cầu của anh Triệu Đình C được ly hôn chị Nguyễn Biên T.

Về con chung: Giao con chung Triệu Mai T sinh ngày 08/02/2012 cho chị Nguyễn Biên T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung:

Giao cho chị Nguyễn Biên T sở hữu mảnh đất diện tích 142 m2 mang tên Triệu Đình Cvà Nguyễn Biên T tại xã P, huyện H, thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/02/2015 tại thửa đất số 781, tờ bản đồ số 01. Trên diện tích đất đã xây dựng 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 50 m2 đã hoàn thiện, 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 70 m2 đang xây dở cùng 01 bể nước 03 ngăn.

Giao cho anh Triệu Đình C sở hữu: 01 máy cuộn tôn, 02 máy quấn biến áp, 02 máy cắt tôn, 01 máy gập tôn, nguyên vật liệu để sản xuất biến áp, 01 lò nung tôn, tổng giá trị 200.000.000 đồng. Đồ dùng gia dụng trong gia đình: 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 máy Laptop Lenovo, 02 máy tính bàn, 01 bếp từ, 01 ti vi trị giá 44.000.000 đồng. 02 chiếc xe máy gồm 01 chiếc Dream và 01 chiếc Airblade mang tên đăng ký Triệu Đình C.

Về công nợ: Anh Triệu Đình C có nghĩa vụ trả nợ cho: Ông Đỗ Nhật T 200.000.000 đồng tiền gốc và 22.000.000 đồng tiền lãi; bà Triệu Thị M 60.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 tiền lãi; Ngân hàng phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh quận A 350.000.000 đồng tiền gốc và 18.000.000 đồng tiền lãi; Ngân hàng V 63.000.000 đồng tiền gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi.

Chấp nhận sự thỏa thuận giữa Chị Nguyễn Biên T và anh Triệu Đình C về việc chị Nguyễn Biên T thanh toán cho anh Triệu Đình Cường số tiền chênh lệch về tài sản, công nợ là 529.000.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị Nguyễn Biên T

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm; nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự về tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án về Ly hôn và tranh chấp nuôi con và tranh chấp chia tài sản chung quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trong đó nguyên đơn là anh Triệu Đình C và bị đơn là chị Nguyễn Biên T đều có địa chỉ tại xã P, huyện H, thành phố Hải Phòng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải.

[2]. Về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Toà án đã tiến hành triệu tập nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để lấy lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để hai bên đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án theo quy định tại Điều 205, 208 và Điều 209 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng V là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ án, gây cho việc giải quyết vụ án gặp rất nhiều khó khăn. Mặc dù tại phiên tòa hôm nay hai Ngân hàng kể trên vẫn vắng mặt nhưng căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa.

[3]. Về quan hệ vợ chồng: Anh C và chị T có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống anh C và chị T đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy việc anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận. Đồng thời tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh Triệu Đình C và chị Nguyễn Biên T đều thuận tình ly hôn do đó cần chấp nhận nguyện vọng của các đương sự.

[4]. Về con chung: Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa Nguyên đơn và Bị đơn đều thỏa thuận giao con chung Triệu Mai T sinh ngày 08/02/2012 cho chị Nguyễn Biên T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự tự thỏa thuận.

[5]. Về tài sản chung: Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận như sau:

Mảnh đất diện tích 142 m2 mang tên Triệu Đình C và Nguyễn Biên T tại xã P, huyện H, thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/02/2015 tại thửa đất số 781, tờ bản đồ số 01. Trên diện tích đất đã xây dựng 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 50 m2 và công trình phụ đã hoàn thiện, 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 70 m2 đang xây dở cùng 01 bể nước 03 ngăn trị giá 600.000.000 đồng giao cho chị Nguyễn Biên T sở hữu.

Máy móc trong xưởng sản xuất biến áp: 01 máy cuộn tôn, 02 máy quấn biến áp, 02 máy cắt tôn, 01 máy gập tôn, nguyên vật liệu để sản xuất biến áp, 01 lò nung tôn, tổng giá trị 200.000.000 đồng. Đồ dùng gia dụng trong gia đình: 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 máy Laptop Lenovo, 02 máy tính bàn, 01 bếp từ, 01 ti vi trị giá 44.000.000 đồng. 02 chiếc xe máy gồm 01 chiếc Dream, 01 chiếc AirBland mang tên đăng ký Triệu Đình C trị giá 40.000.000 đồng, giao cho anh Triệu Đình C sở hữu.

Về các khoản nợ chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Triệu Đình C có nghĩa vụ phải trả cho: Ông Đỗ Nhật T 200.000.000 đồng tiền gốc và 22.000.000 đồng tiền lãi; bà Triệu Thị M 60.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 tiền lãi; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh quận A, Hải Phòng 350.000.000 đồng tiền gốc và 18.000.000 đồng tiền lãi; Ngân hàng V 63.000.000 đồng tiền gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi.

Chị Nguyễn Biên T có trách nhiệm thanh toán cho anh Triệu Đình C số tiền 529.000.000 đồng là tiền chênh lệch về tài sản, tiền nợ. Thời hạn thanh toán một lần, hạn cuối cùng ngày 04 tháng 5 năm 2018.

Các thoả thuận trên về tài sản chung, về công nợ của anh C và chị T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[6]. Đối với khoản nợ ông Phạm Văn N 165.500.000 đồng, ông Nguyễn Văn T 41.000.000 đồng, vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng Thị T 442.000.000 đồng, chị Nguyễn Biên T đã rút yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên đình chỉ. Trường hợp những người này có yêu cầu sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Triệu Đình C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh C và chị T mỗi người phải chịu ½ án phí dân sự sơ thẩm theo thỏa thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh Triệu Đình C được ly hôn chị Nguyễn Biên T.

2. Về con chung: Giao con chung Triệu Mai T, sinh ngày 08/02/2012 cho chị Nguyễn Biên T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi

đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Các bên đương sự tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung:

- Giao mảnh đất diện tích 142 m2 mang tên Triệu Đình C và Nguyễn Biên T tại xã P, huyện H, thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/02/2015 tại thửa đất số 781, tờ bản đồ số 01; trên diện tích đất đã xây dựng 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 50 m2 và công trình phụ đã hoàn thiện, 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 70 m2 đang xây dở cùng 01 bể nước 03 ngăn cho chị Nguyễn Biên T sở hữu.

- Giao 01 máy cuộn tôn, 02 máy quấn biến áp, 02 máy cắt tôn, 01 máy gập tôn, nguyên vật liệu để sản xuất biến áp, 01 lò nung tôn, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 máy Laptop Lenovo, 02 máy tính bàn, 01 bếp từ, 01 ti vi, 02 chiếc xe máy gồm 01 chiếc Dream, 01 chiếc Airblade mang tên đăng ký Triệu Đình C cho anh Triệu Đình C sở hữu.

- Về các khoản nợ:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu về việc giải quyết nợ chung của chị Nguyễn Biên T đối với các khoản nợ: Vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị T; ông Phạm Văn N, ông Nguyễn Văn T. Nếu những người này có yêu cầu khởi kiện thì sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

Anh Triệu Đình C phải trả cho: Ông Đỗ Nhật T 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng tiền gốc và 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng tiền lãi; bà Triệu Thị M 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng tiền gốc và 4.000.000 (bốn triệu) đồng tiền lãi; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh quận A, Hải Phòng 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng tiền gốc và 18.000.000 (mười tám triệu) đồng tiền lãi; Ngân hàng V 63.000.000 (sáu mươi ba triệu) đồng tiền gốc và 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng tiền lãi.

- Chị Nguyễn Biên Thùy phải thanh toán cho anh Triệu Đình C số tiền 529.000.000 (năm trăm hai mươi chín triệu) đồng. Thời hạn thanh toán một lần, hạn cuối cùng ngày 04 tháng 5 năm 2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Anh Triệu Đình C phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Triệu Đình C và chị Nguyễn Biên T phải chịu 60.780.000 (sáu mươi triệu bảy trăm tám mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp tài sản, mỗi người phải chịu 30.390.000 (ba mươi triệu ba trăm chín mươi ngàn) đồng. Số tiền án phí của anh Triệu Đình C được trừ đi số tiền tạm ứng án phí là 22.950.000 (hai mươi hai triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải theo biên lai thu tiền số 0010104 ngày 03/8/2017; anh Triệu Đình C còn phải nộp 7.740.000 (bảy triệu bảy trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THA.DS huyện Cát Hải;
- UBND phường L, quận A;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hồng Biên

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THA.DS huyện Cát Hải;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hồng Biên